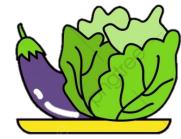




CHƯƠNG 10: ĐỊA LÍ NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

Bài 23:

Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản



1. VAI TRÒ CỦA NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN



Đóng vai trò quan trọng
trong sự phát triển của xã
hội loài người, không
ngành nào thay thế được
trong hiện tại và tương lai

1

Khai thác hiệu quả nguồn lực để
phát triển kinh tế

2

Cung cấp sản phẩm nông, lâm nghiệp,
thủy sản cho tiêu dùng và sản xuất

3

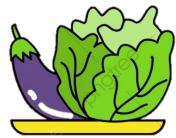
Là thị trường tiêu thụ của các ngành
kinh tế khác, kích thích các ngành khác
phát triển

4

Sản xuất ra những mặt hàng có giá trị
xuất khẩu, tăng thêm nguồn thu ngoại tệ

5

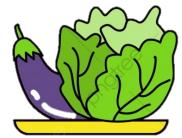
Giữ cân bằng sinh thái và bảo vệ
môi trường.



2. ĐẶC ĐIỂM CỦA NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN



Đất trồng và mặt nước là tư liệu sản xuất chủ yếu của sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.



2. ĐẶC ĐIỂM CỦA NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN



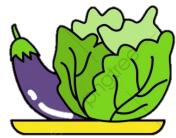
Đối tượng sản xuất là các sinh vật, cơ thể sống.
Sản xuất được tiến hành trong không gian rộng.



2. ĐẶC ĐIỂM CỦA NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN



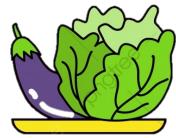
Sản xuất phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, có tính thời vụ.
Tuy nhiên do sự phát triển của KH-CN mà sự phụ thuộc vào tự nhiên ngày càng giảm.



2. ĐẶC ĐIỂM CỦA NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN



Ngày càng gắn với khoa học - công nghệ, liên kết sản xuất và hướng tới nền nông nghiệp xanh.



3. NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ

Em có biết?

Tại I-xra-en, người dân đã thực hiện việc nuôi cá trên sa mạc. Tại Nhật Bản, chính Hốc-cai-đô – hòn đảo lạnh nhất ở phía bắc lại có sản lượng nông nghiệp lớn nhất; nhờ áp dụng nông nghiệp trong nhà kính, người nông dân có thể thu hoạch nông sản khi thời tiết -20°C.

Hiện nay, nông nghiệp xanh là hướng phát triển của nền nông nghiệp thế giới. Đó là cách thức phát triển nông nghiệp thông qua tối đa hóa cơ hội khai thác các nguồn tài nguyên sạch, để tăng trưởng bền vững, gắn hơn với bảo vệ môi trường.

NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THUỶ SẢN

Tự nhiên

- Tính chất và độ phì của đất ảnh hưởng tới năng suất và sự phân bố cây trồng.
- Địa hình ảnh hưởng tới quy mô và cách thức canh tác.
- Khí hậu ảnh hưởng tới cơ cấu cây trồng, tính mùa vụ và hiệu quả sản xuất.
- Nguồn nước cung cấp phù sa, nước tưới cho sản xuất, là điều kiện không thể thiếu được trong sản xuất thuỷ sản.
- Sinh vật tự nhiên là cơ sở để tạo nên các giống cây trồng, vật nuôi,...

Kinh tế – xã hội

- Dân cư và nguồn lao động vừa là lực lượng sản xuất, vừa là nguồn tiêu thụ các nông sản.
- Quan hệ sở hữu ruộng đất và các chính sách phát triển nông nghiệp định hướng phát triển và quy định các hình thức tổ chức sản xuất.
- Tiến bộ khoa học – công nghệ làm thay đổi sâu sắc cách thức sản xuất, tăng năng suất, sản lượng, giá trị nông sản,...
- Công nghệ chế biến và các ngành khác thúc đẩy sản xuất phát triển.
- Thị trường điều tiết sản xuất, góp phần hình thành các vùng sản xuất chuyên môn hóa,...

Bài 24

ĐỊA LÍ NGÀNH NÔNG NGHIỆP





1. NGÀNH TRỒNG TRỌT



a)

VAI TRÒ CỦA TRỒNG TRỌT



Tạo việc làm, giúp ổn định cuộc sống cho 1 bộ phận
phần lớn cư dân nông thôn

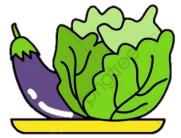


a)

VAI TRÒ CỦA TRỒNG TRỌT



- Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến
- Góp phần đảm bảo an ninh lương thực, ổn định xã hội và bảo vệ môi trường



b)

ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÀNH TRỒNG TRỌT



- Sự phát triển và phân bố ngành trồng trọt phụ thuộc chặt chẽ vào điều kiện tự nhiên và có tính mùa vụ.
- Cây trồng được chia thành các nhóm: cây lương thực, cây thực phẩm, cây công nghiệp, cây ăn quả,...
- Việc bảo quản sản phẩm của ngành trồng trọt đòi hỏi nhiều về đầu tư và công nghệ.
- Ngành trồng trọt ngày càng gắn chặt với sự tiến bộ của khoa học - công nghệ.

c) Sự phân bố của một số cây trồng chính

- Cây lương thực chính



a) Lúa gạo ưa khí hậu nóng, ẩm, chân ruộng ngập nước, đất phù sa.

b) Lúa mì ưa khí hậu ám, khô, vào đầu thời kì sinh trưởng cần nhiệt độ thấp, đất màu mỡ.

c) Ngô ưa đất ẩm, nhiều mùn, thoát nước, dễ thích nghi với sự dao động của nhiệt độ.

Cây lương thực	Đặc điểm sinh thái	Phân bố
Lúa gạo 	Ưa khí hậu nóng ẩm, chân ruộng ngập nước, đất phù sa màu mỡ, cần nhiều công chăm bón	Trung Quốc, Ấn Độ, In - đô - nê - xia, Việt Nam, Thái Lan. Xuất khẩu là Thái Lan, Việt Nam, Hoa Kì
Lúa mì 	Ưa khí hậu ấm khô, cần nhiệt độ thấp vào thời kì đầu sinh trưởng, thích hợp đất màu mỡ, cần chăm bón	Trung Quốc, Ấn độ, LB Nga, Pháp, Canada, Hoa Kì Xuất khẩu: Canada, Hoa Kì.
Ngô 	Ưa nhiệt, đất ẩm nhiều mùn dễ thoát nước, loại cây dễ thích nghi với nhiều loại khí hậu	Ở hầu hết khắp nơi trên các châu lục, kể cả trên núi cao Hoa Kì, TQ, Brazil, Mê - hi - cô... Xuất khẩu: Hoa Kì, Trung Quốc

c) Sự phân bố của một số cây trồng chính

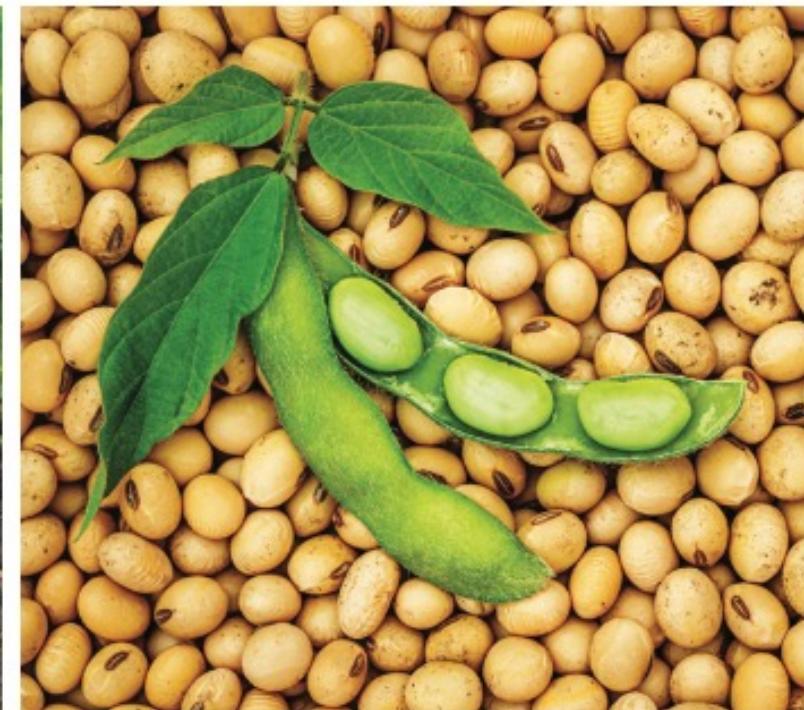
- Cây công nghiệp chính



a) Mía đòi hỏi nhiệt độ cao, lượng mưa nhiều và phân hoá theo mùa.



b) Củ cải đường phù hợp với đất đen, đất phù sa, thường trồng luân canh với lúa mì.



c) Đậu tương ưa ẩm, đất tơi xốp, thoát nước.

Hình 24.3. Một số cây công nghiệp hàng năm

c) Sự phân bố của một số cây trồng chính

- Cây công nghiệp chính



a) Cà phê ưa nhiệt độ cao, ẩm, đất透气, nhất là đất badan và đất đá vôi.

b) Chè thích hợp với nhiệt độ ôn hoà, lượng mưa nhiều nhưng rải đều quanh năm, đất chua.

c) Cao su ưa nhiệt, ẩm, không chịu được gió bão, thích hợp với đất badan.

Hình 24.4. Một số cây công nghiệp lâu năm

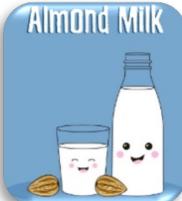
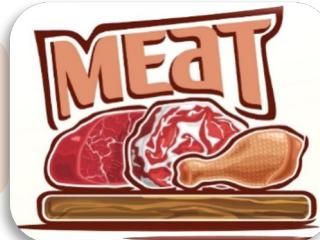


2. NGÀNH CHĂN NUÔI



VAI TRÒ NGÀNH CHĂN NUÔI

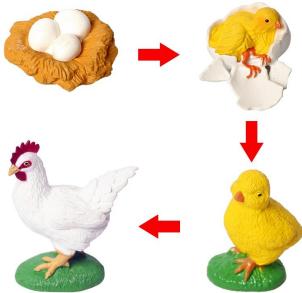
- ✓ Cung cấp thực phẩm có dinh dưỡng cao cho con người
- ✓ Cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến, sản xuất hàng tiêu dùng
- ✓ Thúc đẩy ngành trồng trọt phát triển
- ✓ Tạo ra các mặt hàng xuất khẩu có giá trị, tăng GDP đất nước
- ✓ Là mắt xích quan trọng trong sản xuất nông nghiệp bền vững



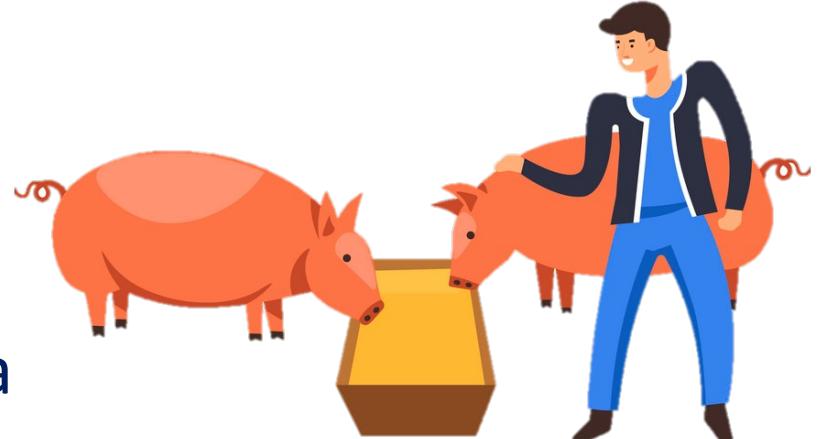


ĐẶC ĐIỂM NGÀNH CHĂN NUÔI

- ❖ Sự phát triển và phân bố ngành chăn nuôi phụ thuộc chặt chẽ vào cơ sở thức ăn.



- ❖ Đối tượng của ngành chăn nuôi là vật nuôi phải tuân theo các quy luật sinh học nhất định.
- ❖ Có sự thay đổi về hình thức chăn nuôi: tự nhiên (chăn thả), công nghiệp (trang trại), sinh thái (nhân tạo)
- ❖ Là ngành sản xuất cho nhiều sản phẩm cùng lúc
- ❖ Ngày nay áp dụng mạnh các công nghệ tiên tiến, kỹ thuật gen và liên kết chặt với công nghiệp chế biến





SỰ PHÂN BỐ MỘT SỐ VẬT NUÔI CHÍNH

Loại vật nuôi chính	Phân bố
Trâu	Việt Nam, Trung Quốc.....
Bò	Trung Quốc, Ấn Độ, LB Nga, Pháp, Canada, Hoa Kì
Cừu	Hoa Kì, TQ, Brazil, Pakixtan....
Gia cầm	Ở hầu hết khắp nơi trên các châu lục Hoa Kì, TQ, Brazil, Mê - hi - cô...

Bài 25

ĐỊA LÍ NGÀNH LÂM NGHIỆP VÀ NGÀNH THỦY SẢN



1. NGÀNH LÂM NGHIỆP

VAI TRÒ

- Cung cấp lâm sản phục vụ cho các nhu cầu của xã hội (gỗ, nguyên liệu ngành giấy, thực phẩm, dược liệu,...).
- Bảo tồn đa dạng sinh học, chống xói mòn đất, điều tiết lượng nước trong đất, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai.
- Tạo nguồn thu nhập và giải quyết việc làm, đặc biệt là cho người dân thuộc vùng trung du, miền núi.
- Góp phần đảm bảo phát triển bền vững.



1. NGÀNH LÂM NGHIỆP

Đặc điểm

- Chu kỳ sinh trưởng dài và phát triển chậm là đặc điểm mang tính đặc thù của cây lâm nghiệp.
- Hoạt động lâm nghiệp bao gồm: trồng rừng; khai thác và chế biến lâm sản; bảo vệ, bảo tồn hệ sinh thái rừng;... Các hoạt động khai thác và tái tạo rừng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.
- Sản xuất lâm nghiệp diễn ra trong không gian rộng và trên những địa bàn có điều kiện tự nhiên đa dạng.



TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN



- + Trồng rừng có ý nghĩa quan trọng
- + Năm 2019; diện tích rừng chiếm 27,1% diện tích bề mặt Trái Đất trong đó có diện tích rừng tự nhiên là 92,8 % tổng diện tích rừng , có 7,2 % là rừng trồng.
- + Các quốc gia có diện tích rừng lớn nhất là: Trung Quốc, Ấn Độ, Liên bang Nga, Hoa Kỳ....
- + Sản lượng gỗ khai thác hàng năm có xu hướng tăng nhưng không đều giữa các năm và giữa các nhóm nước

2. NGÀNH THỦY SẢN

a) VAI TRÒ

- Đóng góp vào GDP ngày càng lớn.
- Thủy sản (gồm cả thủy sản nước ngọt, nước lợ, nước mặn) là nguồn cung cấp các chất đạm, dễ tiêu hóa cho con người; đồng thời cung cấp các nguyên tố vi lượng dễ hấp thụ và có lợi cho sức khoẻ.
- Thuỷ sản là nguồn cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp thực phẩm, dược phẩm và là mặt hàng xuất khẩu có giá trị.
- Góp phần giải quyết việc làm, bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia.
- Vai trò khác như: phụ phẩm của ngành thủy sản còn là thức ăn cho chăn nuôi,...



2. NGÀNH THỦY SẢN

a) Đặc điểm

- Sản xuất thủy sản mang tính mùa vụ, phụ thuộc nhiều vào nguồn nước và khí hậu.
- Sản xuất thủy sản ngày càng áp dụng công nghệ, sản xuất theo chuỗi giá trị, góp phần nâng cao hiệu quả, truy xuất được nguồn gốc sản phẩm.
- Sản xuất thủy sản bao gồm các hoạt động khai thác, chế biến và nuôi trồng vừa có tính chất của ngành sản xuất nông nghiệp, vừa có tính chất của ngành sản xuất công nghiệp.



c. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ..



- Khai thác thuỷ sản là hoạt động đánh bắt các loài thuỷ sản, trong đó cá chiếm đến 85 – 90% sản lượng. Việc đánh bắt chủ yếu diễn ra ở biển và đại dương, nơi có các ngư trường lớn.

Do nhu cầu tiêu thụ ngày càng lớn và do những tiến bộ trong công nghệ đánh bắt, sản lượng khai thác thuỷ sản ngày càng tăng. Các quốc gia có sản lượng đánh bắt lớn nhất năm 2019 là: Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, Pê-ru, Ấn Độ, Liên bang Nga, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Việt Nam,...

- Nuôi trồng thuỷ sản được chú trọng phát triển và có vị trí ngày càng quan trọng.

Thuỷ sản được nuôi ở cả vùng nước ngọt, nước lợ và nước mặn. Hình thức và công nghệ nuôi trồng thuỷ sản ngày càng thay đổi, hiện đại. Sản lượng thuỷ sản nuôi trồng trên thế giới ngày càng tăng nhanh. Các quốc gia có sản lượng nuôi trồng thuỷ sản lớn nhất năm 2019 là: Trung Quốc, Ấn Độ, Băng-la-đét, Ai Cập, Na Uy, Nhật Bản và các quốc gia ở Đông Nam Á,...



Chương 11. ĐỊA LÍ CÔNG NGHIỆP

**BÀI 28. VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM, CƠ CẤU NGÀNH
CÔNG NGHIỆP, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ
PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP**

a) Vai trò

Công nghiệp là ngành đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, có tác động toàn diện tới sản xuất và đời sống xã hội. Cụ thể:

- Công nghiệp cung cấp tư liệu sản xuất cho toàn bộ nền kinh tế, qua đó góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- Công nghiệp cung cấp lượng hàng tiêu dùng phong phú, đa dạng nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống và là nguồn hàng xuất khẩu quan trọng. Sản xuất công nghiệp góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho một bộ phận lớn dân cư.
- Công nghiệp góp phần khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, làm biến đổi không gian kinh tế và đóng vai trò hạt nhân phát triển vùng kinh tế.



ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP

- Gắn liền với việc sử dụng máy móc và áp dụng công nghệ.
- Có mức độ tập trung hoá, chuyên môn hoá và hợp tác hoá rất cao.
- Đòi hỏi tiêu thụ nguyên liệu đầu vào lớn nên lượng chất thải ra môi trường nhiều.
- Có tính linh động cao về mặt phân bố theo không gian.
- Nền công nghiệp hiện đại gắn liền với tự động hoá, ứng dụng công nghệ cao, đầy mạnh nghiên cứu và phát triển.



CƠ CẤU CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP

DỰA VÀO TÍNH CHẤT TÁC ĐỘNG
ĐẾN ĐỐI TƯỢNG LAO ĐỘNG

CÔNG NGHIỆP KHAI THÁC



CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN



CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÂN BỐ PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP



NHÂN TỐ BÊN TRONG

- Vị trí địa lý: ảnh hưởng tới việc phân bố các cơ sở sản xuất, mức độ thuận lợi trong tiếp cận các nhân tố bên ngoài.
- Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên: ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định cơ cấu và phân bố ngành công nghiệp.
- Điều kiện KT - XH: quyết định sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp.



NHÂN TỐ BÊN NGOÀI

- Vốn đầu tư: Thúc đẩy sự phát triển công nghiệp.
- Tiến bộ khoa học - kĩ thuật: Cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên, phân bố các ngành công nghiệp hợp lí. Nâng cao năng suất, chất lượng
- Thị trường: tác động tới hướng chuyên môn hóa sản phẩm
=> Tạo sức mạnh, điều kiện để phát triển và phân bố các ngành công nghiệp.



Chương 11. ĐỊA LÍ CÔNG NGHIỆP

BÀI 28. ĐỊA LÍ MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP

1. CÔNG NGHIỆP KHAI THÁC THAN, DẦU KHÍ, QUẶNG KIM LOẠI

Nội dung	CN khai thác than
1. Vai trò	<ul style="list-style-type: none">- Là nguồn năng lượng truyền thống và cơ bản.- Được sử dụng làm nhiên liệu cho CN nhiệt điện, luyện kim.- Làm nguyên liệu cho CN hóa chất.
2. Đặc điểm	<ul style="list-style-type: none">- Cơ cấu đa dạng: than nâu, than đá, than bùn...- Là tài nguyên không tái tạo được.- Ngày càng cạn kiệt do khai thác và sD k hợp lí. Gây ô nhiễm MT
3. Phân bố	Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ...
4. Liên hệ Việt Nam	<ul style="list-style-type: none">- Sản lượng khai thác ngày càng tăng.- Phân bố nhiều ở TDMNBB, đặc biệt tỉnh Quảng Ninh.

1. CÔNG NGHIỆP KHAI THÁC THAN, DẦU KHÍ, QUẶNG KIM LOẠI

Nội dung	CN khai thác dầu khí
1. Vai trò	<ul style="list-style-type: none">- Sử dụng làm nhiên liệu quan trọng cho SX điện, giao thông.- Nguyên liệu cho CN hoá chất.- Là “vàng đen” của nhiều nước.
2. Đặc điểm	<ul style="list-style-type: none">- Dầu khí có khả năng sinh nhiệt cao, dễ vận chuyển và sử dụng, nhiên liệu cháy hoàn toàn không tạo thành tro bụi.- Chế biến để tạo thành các sản phẩm: xăng, dầu hoả, dầu ma – dút...- Quá trình khai thác, vận chuyển và sử dụng gây ô nhiễm môi trường.
3. Phân bố	Ả - rập Xê – Út, I – ran, Hoa Kỳ, LB nga, Ca – na – da...
4. Liên hệ Việt Nam	<ul style="list-style-type: none">- Khai thác từ 1986 và sản lượng ngày càng tăng.- CN khai thác dầu khí phát triển ở Vũng Tàu.

1. CÔNG NGHIỆP KHAI THÁC THAN, DẦU KHÍ, QUẶNG KIM LOẠI

Nội dung	CN khai thác quặng kim loại
1. Vai trò	<ul style="list-style-type: none">- Phát triển gắn với quá trình công nghiệp hóa trên thế giới do kim loại được sử dụng để sản xuất máy móc, thiết bị, làm vật liệu trong xây dựng, giao thông vận tải,...- Kim loại được sử dụng nhiều ở các thiết bị trong đời sống,...
2. Đặc điểm	<ul style="list-style-type: none">- Quặng kim loại được chia thành một số nhóm: kim loại đen, kim loại màu, kim loại quý, kim loại hiếm,...- Việc khai thác thiếu quy hoạch khiến nhiều loại quặng kim loại có nguy cơ cạn kiệt, gây ô nhiễm môi trường, đòi hỏi phải có các vật liệu thay thế và tái sử dụng kim loại để tiết kiệm tài nguyên và giảm ô nhiễm môi trường.
3. Phân bố	Sắt (Liên bang Nga, U-crai-na, Trung Quốc,...). Bo-xit (Ô-xtray-li-a, Gi-mai-ca, Bra-xin,...) - Đồng (Chile, Hoa Kì,...)

2. CÔNG NGHIỆP ĐIỆN LỰC



1

Cơ sở để phát triển nền CN hiện đại, động lực quan trọng của SX cơ khí hoá, tự động hoá

2

Tạo nền tảng cho mọi sự tiến bộ kĩ thuật trong CN cũng như các ngành KT khác.

2. CÔNG NGHIỆP ĐIỆN LỰC



3

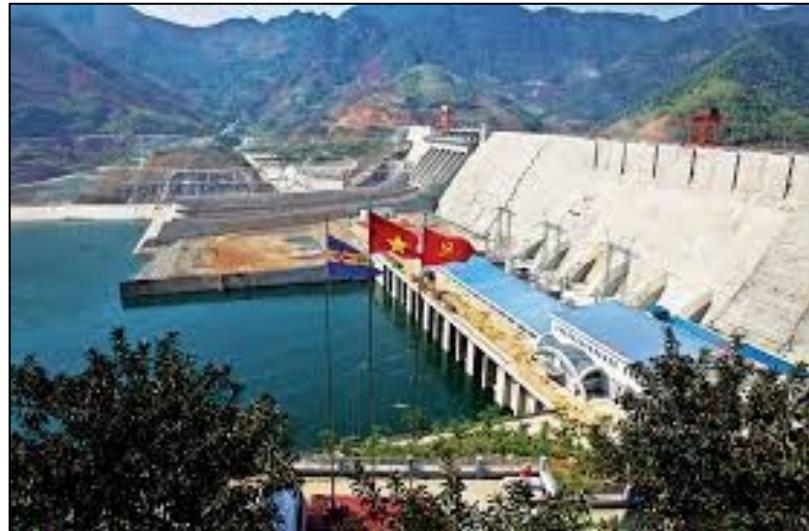
Đáp ứng nhu cầu đời sống văn hoá, văn minh của con người.

4

Là tiêu chí để đo trình độ phát triển và văn minh của các nước

2. CÔNG NGHIỆP ĐIỆN LỰC

Thuỷ điện



Nhiệt điện



b. Đặc điểm

Năng lượng tái tạo



1

SX từ: nhiệt điện, thủy điện, điện nguyên tử và các nguồn NL tái tạo.

2

Nhiệt điện chiếm tỉ lệ lớn nhất trong cơ cấu.

3

Các nhà máy điện có yêu cầu khác nhau về vốn, thời gian xây dựng, LĐ và giá thành.

2. CÔNG NGHIỆP ĐIỆN LỰC

Nền KT phát triển



Ô nhiễm môi trường

b. Đặc điểm



Năng lượng tái tạo



4

Phát triển nhanh do nhu cầu của nền kinh tế và mức sống của dân cư ngày càng cao.

5

Ảnh hưởng lớn đến MT và sức khoẻ con người. Sản phẩm không lưu giữ được

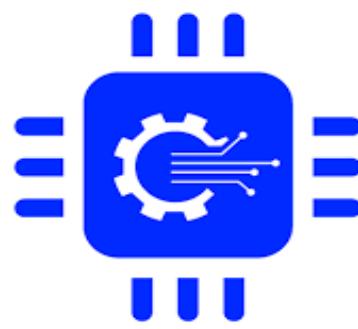
6

Xu hướng: Sử dụng năng lượng tái tạo để SX điện.

2. CÔNG NGHIỆP ĐIỆN LỰC



SX điện tập trung chủ yếu ở các nước phát triển và một số nước đang phát triển



CÔNG NGHIỆP ĐIỆN TỬ, TIN HỌC

1. VAI TRÒ

Giữ vai trò chủ đạo trong hệ thống SX công nghiệp hiện đại.

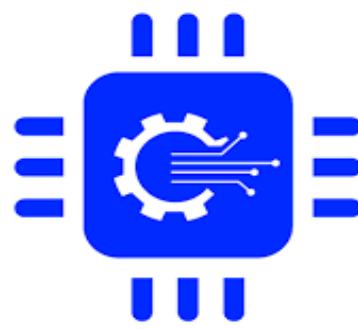
Góp phần chuyển từ nền KT CN sang nền KT tri thức.

Là thước đo trình độ phát triển KT, kĩ thuật của mọi QG

2. ĐẶC ĐIỂM

K cần diện tích rộng, k tiêu thụ nhiều nguyên liệu.

Yêu cầu nguồn LĐ trẻ, có trình độ chuyên môn kĩ thuật cao, CSHT phát triển và vốn đầu tư. Sản phẩm đa dạng.



CÔNG NGHIỆP ĐIỆN TỬ, TIN HỌC



Các quốc gia có ngành CN điện tử, tin học phát triển nhất



FMCG PRODUCTS

CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG

1. VAI TRÒ

Tận dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ, huy động sức mạnh của các thành phần kinh tế.

Tạo được các hàng hoá thông dụng, góp phần đẩy mạnh XK.

2. ĐẶC ĐIỂM

Sử dụng ít nhiên liệu, điện năng và chi phí vận tải, vốn đầu tư không nhiều, sử dụng nhiều lao động.

Phụ thuộc vào thị trường và nguồn nguyên liệu.

Cơ cấu ngành đa dạng: dệt may, da giày, sx gỗ, sx giấy...

Tác động lớn đến môi trường.



FMCG PRODUCTS

CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG



Các quốc gia sản xuất CN hàng tiêu dùng lớn nhất thế giới



CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM

1. VAI TRÒ

Đáp ứng nhu cầu hằng ngày về ăn uống của con người.

Góp phần tăng thêm chất lượng và giá trị của sp NN.

Cung cấp mặt hàng xuất khẩu. Tích luỹ vốn, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

2. ĐẶC ĐIỂM

Sản phẩm rất phong phú và đa dạng.

Vốn đầu tư ít, quy trình sản xuất không phức tạp.

Nguyên liệu chủ yếu là các sản phẩm từ NN và thuỷ sản.



CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM



Các quốc gia sản xuất CN thực phẩm lớn nhất thế giới